

M C L C

Ph n m u.....	5
I. nh ngh a và các thu t ng trong i u l	5
i u 1: nh ngh a.....	5
II. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i i n và th i h n ho t ng c a công ty	6
i u 2: Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	6
III. M c tiêu, ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty	7
i u 3: M c tiêu ho t ng c a Công ty	7
i u 4: Ph m vi kinh doanh và ho t ng	7
IV. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	8
i u 5: V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	8
i u 6: Ch ng ch c phi u.....	10
i u 7: Ch ng ch ch ng khoán khác	11
i u 8: Chuy n nh ng c ph n.....	11
i u 9: Thu h i c ph n.....	11
V. C c u t ch c, qu n lý và ki m soát.....	12
i u 10: C c u t ch c, qu n lý và ki m soát.....	12
VI. C ông và i h i ng c ông.....	12
i u 11: Quy n c a c ông.....	12
i u 12: Ngh a v c a c ông.....	14
i u 13: i h i ng c ông.....	14
i u 14: Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	16
i u 15: Các i di n c y quy n.....	18
i u 16: Thay i các quy n.....	19
i u 17: Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông.....	20

i u 18: Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông	21
i u 19: Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông.....	22
i u 20: Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	24
i u 21: Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	25
i u 22: Biên b nh p i h i ng c ông.....	27
i u 23: Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	27
VII. H i ng qu n tr	29
i u 24: Tiêu chu n, i u ki n, thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	28
i u 25: Quy nh n và nhi m v c a H i ng qu n tr	30
i u 26: Ch t ch, Phó ch t ch H i ng qu n tr	33
i u 27: Các cu c h p c a H i ng qu n tr	34
VIII. T ng giám c, Cán b qu n lý khác và th ký Công ty.....	38
i u 28: T ch c b máy qu n lý.....	38
i u 29: Cán b qu n lý.....	38
i u 30: Tiêu chu n, i u ki n, b nhi m, mi n nhi m, nhi m v v à quy nh n c a T ng giám c	39
i u 31: Th ký Công ty.....	41
IX. Nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý.....	42
i u 32: Trách nhi m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và Cán b qu n lý.....	42
i u 33: Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	42
i u 34: Trách nhi m v thi t h i và b i th ng.....	43
X. Ban ki m soát	44
i u 35: Thành viên Ban ki m soát.....	44
i u 36: Ban ki m soát.....	46
Ch ký các thành viên H QT	

XI. Quy n i u tra s sách và h s Công ty.....	47
i u 37: Quy n i u tra s sách và h s	47
XII. Công nhân viên và Công oàn	48
i u 38: Công nhân viên và Công oàn.....	48
XIII. Phân chia l i nhu n.....	48
i u 39: C t c.....	48
i u 40: Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	50
XIV. Tài kho n ngân hàng, Qu d tr , n m tài chính và h th ng k toán..	50
i u 41: Tài kho n ngân hàng.....	50
i u 42: Qu d tr b sung v n i u l	51
i u 43: N m tài khóa.....	51
i u 44: H th ng k toán.....	51
XV. Báo cáo th ng niên, trách nhi m công b thông tin, thông báo ra công chúng.....	51
i u 45: Báo cáo h ng n m, sáu tháng, h ng quý.....	51
i u 46: Công b thông tin v à thông báo ra công chúng	52
XVI. Kì m toán Công ty.....	52
i u 47: Kì m toán	52
XVII. Con d u.....	53
i u 48: Con d u.....	53
XVIII. Ch m d t ho t ng và thanh lý...../.....	53
i u 49: Ch m d t ho t ng.....	53
i u 50: Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông.....	54
i u 51: Thanh lý.....	54
XIX. Gi i quy t tranh ch p n i b	55

điều 52: Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
XX. Bổ sung và sửa đổi điều	59
điều 53: Bổ sung và sửa đổi điều	56
XXI. Ngày hiệu lực.....	56
điều 54: Ngày hiệu lực.....	56
điều 55: Chữ ký của các công sở lập hồ sơ đăng ký đi n theo pháp luật của Công ty.....	57

PHẦN MƯỜI

Điều này của Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng – Hải An (Đã đăng ký là “Công ty”) và công của Công ty thông qua theo quy định của pháp luật về công tác chính thức vào ngày 27 tháng 3 năm 2010.

I. NỘI DUNG CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều này, thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa sau:
 - a. "Văn bản" là văn do tất cả các đồng góp và quy định của Điều 5 của Điều này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty cổ phần Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cơ cấu quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty cổ phần Hải An được phê duyệt.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thị trường" là thị trường của Công ty cổ phần quy định tại Điều 2 của Điều này và thị trường gia hạn (nếu có) của pháp luật về công của Công ty thông qua bộ quy định.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong điều này, các tham chiếu từ các quy định khác của văn bản khác sẽ bao gồm những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chính, của Điều này) sẽ được ghi nhận tin cậy cho vị trí nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều này;
4. Các thuật ngữ đã định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với cách thông thường) sẽ có nghĩa tương tự trong điều này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐI ĐN VÀ THỊ HIỂN HO T NG C A CÔNG TY

ii u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty :

- Tên ti ng Vi t : **Công ty C ph n u t phát tri n xây d ng - H i An**

- Tên giao d ch qu c t :

Development Investment Construction Hoi An Joint Stock Company

- Tên vi t t t : **DIC - H I AN**

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

- a ch : 25 Hùng V ng, ph ng C m Phô, TP H i An, t nh Qu ng Nam.

- i n tho i : 0510.3861367 - 3917351 - 3863531

- Fax : 0510.3863193

- Email : dichoian@vnn.vn

- Website : www.dichoian.com

* Chi nhánh Công ty t i à N ng:

- a ch : S 76 Nguy n Du, thành ph à N ng

- i n tho i : 0511.3898232

4. Ch t ch H i ng qu n tr là i di n theo pháp lu t c a Công ty.

5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

6. Th i h n ho t ng c a Công ty là vô th i h n và b t u t ngày thành l p.

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là :

- u t phát tri n các khu ô th m i và khu công nghi p; u t kinh doanh phát tri n nhà và h t ng k thu t ô th và khu công nghi p, khu ch xu t, khu công ngh cao, khu kinh t m i.
- Thi công xây l p các công trình dân d ng, công trình nghi p, giao thông, thu l i, công trình k thu t h t ng ô th và khu công nghi p, công trình c p thoát n c và x lý môi tr ng, công trình ng dây và tr m bi n th .
- S n xu t kinh doanh các lo i VLXD, kinh doanh các m t hàng trang trí n i, ngo i th t, kinh doanh x ng d u.
- Khai thác, ch bi n khoáng s n làm VLXD, kinh doanh khai thác v n chuy n t, cát san l p m t b ng.
- Kinh doanh d ch v nhà t.
- Kinh doanh d ch v du l ch, d ch v khách s n.
- Phá d và chu n b m t b ng, hoàn thi n công trình xây d ng.
- L p t h th ng i n, c p thoát n c, m ng vi tính, i u ho à không khí, h th ng báo cháy, báo tr m, phòng cháy ch a cháy, thang máy, h th ng quan sát, h th ng ch ng sét, thông gió.

2. M c tiêu ho t ng c a Công ty là :

Huy ng và s d ng v n có hi u qu trong vi c phát tri n s n xu t kinh doanh v các l nh v c theo các ngành ngh ng ký nh m m c tiêu thu l i nhu n, t o công n vi c làm n nh cho ng i lao ng; t ng l i t c cho các c ông, óng góp vào ngân sách nhà n c và phát tri n Công ty ngày càng l n m nh.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy nh c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh v à i u l này phù h p

v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th t i n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c H i ng qu n tr phê chu n.

IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là **29.999.420.000** ng.

T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành **2.999.942 c ph n** v i m nh giá là 10.000 ng/1 c ph n.

2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này bao g m c ph n ph thông. M i c ph n u t o cho ng i ch s h u nó các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
5. C ông sáng l p c a Công ty :

STT	Tên c ông	S CMND/ S GCN KKD	Ngày c p	N i c p	a ch	S l ng c ph n ang s h u
1	T ng công ty c ph n u t phát tri n xây d ng, i di n: - Nguy n Quang Tín - Tr n ình L i	3500101107			265 Lê H ng Phong, TP V ng Tàu, T nh BR-VT	314.685 584.415
2	Công ty TNHH Xây d ng Nam Th	3302080171			Thôn 1, C m Nam, TP H i An, t nh Qu ng Nam	0

3	Công ty CP T v n T XD Huy Tu n, i di n: - Nguy n Thanh Hùng	0400447032			246 Núi Thành, TP à N ng	0
4	Công ty TNHH Tân H ng Th nh, i di n: - Võ Ng c Thu	4000357906			Xã i n Ng c, huy n i n Bàn, T nh Qu ng Nam	57.481
5	Tr n ình L i	205529218	03/07/2007	CA Qu ng Nam	110 Tr n Phú, TP H i An, T nh Qu ng Nam	40.000
6	ình Phú L c	200243303	21/10/1978	Công an QN- N	18/10 Lý Th ng Ki t, TP H i An, T nh Qu ng Nam	10.490
7	Lê V n D ng	200939338	22/07/1996	Công an QN- N	668 Hai Bà Tr ng, TP H i An, T nh Qu ng Nam	86.933
8	H V n Anh	205206188	24/01/2002	CA Qu ng Nam	124 C a i, TP H i An, T nh Qu ng Nam	53.420

6. C p h n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c p h n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy nh khác. Công ty ph i thông báo vi c chào bán c p h n, trong thông báo ph i nêu rõ s c p h n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p (t i thi u hai m i ngày làm vi c) c ông có th ng ký mua. S c p h n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c p h n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c p h n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u, tr tr ng h p i h i ng c ông ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c p h n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán Hà N i.

7. Công ty có th mua c p h n do chính công ty ã phát hành (k c c p h n u ã hoàn l i) theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C p h n ph thông do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này và Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết thông qua bảng vận bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ phi u

1. Công của Công ty cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận chứng chỉ và loại chứng chỉ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.
2. Chứng chỉ phi u phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ phi u phải ghi rõ số lượng và loại chứng chỉ mà công nhận, họ và tên người nhận (nếu là chứng chỉ ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng chỉ phi u ghi danh phải đại diện cho một loại chứng chỉ.
3. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu chứng chỉ theo quy định của Công ty, người sở hữu chứng chỉ cấp chứng chỉ phi u. Người sở hữu chứng chỉ không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ phi u hoặc bất kỳ khoản phí gì.
4. Trường hợp chuyển nhượng chứng chỉ phi u ghi danh trong một chứng chỉ phi u ghi danh, chứng chỉ sẽ hủy bỏ và chứng chỉ ghi danh sẽ chứng chỉ còn lại cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ phi u ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc ảnh hưởng, chứng chỉ phải hủy bỏ, người sở hữu chứng chỉ ghi danh có thể yêu cầu cấp chứng chỉ phi u mới với điều kiện phải trả lại chứng chỉ cũ và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ phi u vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích khác.
7. Công ty có thể phát hành chứng chỉ ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hình thức này có thể ban hành vận bản quy định cho phép các chứng chỉ ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có vận bản chuyển nhượng. Hình thức này có thể ban

hành các quy định về chi ngân sách và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chi ngân sách và thanh toán chi ngân sách và thuế này.

Điều 7. Chi ngân sách chi ngân sách khác

Chi ngân sách trái phiếu hoặc các chi ngân sách chi ngân sách khác của Công ty (trừ các thanh toán, các chi ngân sách thuế và các tài liệu ngân hàng), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các chi ngân sách và người đại diện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được chuyển nhượng trừ khi điều này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chi ngân sách và thanh toán chi ngân sách của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện chuyển nhượng cổ phần với người đại diện sau 01 năm kể từ ngày chi ngân sách của niêm yết.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp công ty không thanh toán đầy đủ và ứng dụng tín phiếu mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng dụng, số cổ phần chưa thanh toán hết số thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trừ khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể

ch p nh n vi c giao n p các c ph n b thu h i theo quy nh t i các Kho n 4, 5 và 6 và trong các tr ng h p khác c quy nh t i i u l này.

4. C ph n b thu h i s tr thành tài s n c a Công ty. H i ng qu n tr có th tr c tí p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. Công n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có li ên quan c ng v i t l % t i n lãi t ng ng v i lãi vay ngân hàng th ng m i vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ng ày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có to àn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i ho c có th m i n gi m thanh toán m t ph n ho c toàn b s t i n ó.
6. Thông báo thu h i s c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c gi thông báo.

V. C C U T CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT

i u 10. C c u t ch c qu n lý

C c u t ch c qu n lý c a Công ty bao g m:

- a. i h i ng c ông;
- b. H i ng qu n tr ;
- c. T ng giám c ;
- d. Ban ki m soát.

VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 11. Quy n c a c ông

1. Công là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. Công ch ch u trách nhi m v n v à các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.

2. Người niêm yết công bố thông tin có các quy định sau:
- a. Tham gia các hội nghị công và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua điện tử quy định;
 - b. Nhận cổ phiếu;
 - c. Chuyển nhượng công phiếu thành toán yếu theo quy định của pháp luật này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán công và ưu tiên công phiếu công mà không;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan công trong danh sách công cách tham gia hội nghị công và yêu cầu sai các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép công ty, số biên bản họp hội nghị công và các nghị quyết của hội nghị công;
 - g. Trường hợp Công ty giới thiệu, công nhận mới phần tài sản còn lại công và công góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho công và các công lợi khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại công của công trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quy định khác theo quy định của pháp luật này và pháp luật.
3. Công hoặc nhóm công niêm yết trên 5% tổng số công phiếu công trong thị trường liên tục sáu (06) tháng trở lên có các quy định sau:
- a. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định trong nghị quyết các Điều 24.4 và Điều 35.3;
 - b. Yêu cầu ưu tiên công phiếu công;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công có quy định tham dự và biểu quyết hội nghị công.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tất cả các tài liệu liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thẩm định. Yêu cầu phải ghi nhận bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ, nơi cư trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu việc ông là cá nhân; tên, địa chỉ, nơi cư trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh nếu việc ông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời gian đăng ký cổ phần tại công ty, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tổng số cổ phần của công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quy định khác của quy định nội bộ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ nội bộ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng giám đốc;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty đi làm hình thức thực hiện nhiệm vụ trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác liên quan đến lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty ngay cả tài chính có thể xảy ra nếu việc công ty.

Điều 13. Hạn chế công

1. Hạn chế công là các quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hạn chế công thường niên do tổ chức quản lý thực hiện. Hạn chế công phải thực hiện thường niên trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Chữ ký các thành viên HĐQT

2. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai họp hội đồng thường niên và lựa chọn đại biểu phù hợp. Hội đồng thường niên quy định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kỹ thuật viên kế toán tham dự hội đồng và báo cáo cho vị công thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phê duyệt họp hội đồng bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bất cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kỹ thuật của năm tài chính phần ảnh hưởng điều chỉnh bất thường;
 - c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Công hoặc nhóm công quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triển khai họp hội đồng bất thường bên kinh doanh. Bên kinh doanh trình bày rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triển khai họp nội bộ Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triển khai họp hội đồng bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phê duyệt triển khai họp hội đồng trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc những yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triển khai họp hội đồng theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban

kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị tập hợp hội đồng theo quy định Khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không tập hợp hội đồng theo quy định tại Khoản 4b điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định tại Khoản 3d điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tập hợp hội đồng theo quy định Khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng tập hợp hội đồng có thẩm quyền ký kinh doanh giám sát việc tập và tiến hành họp nội xét thực tiễn.

- d. Tất cả chi phí cho việc tập và tiến hành họp hội đồng của công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự hội đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng

1. Hội đồng công đồng thành viên có quyền thuộc và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Hội đồng công đồng thành viên và bất kỳ thông qua quyết định nào sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mốc kết thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lợi ích phần vốn. Mốc kết này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng thành viên hội đồng;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

- e. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát và phê chu n vi c H i ng qu n tr b nh i m T ng giám c;
 - f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n, và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t Ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c T ng giám c ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i i u 120.1 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty;
3. Công không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
- a. Các h p ng quy nh t i i u 14.2 i u l này khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;

- b. Việc mua các phần của công đồng có liên quan tới công đó.
4. Tất cả các quy tắc và các vấn đề đã đưa vào chương trình học phải có sự tham gia của học sinh và biểu quyết từ phía học sinh.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công đồng có quy định tham gia học sinh học đồng theo luật pháp có thể trực tiếp tham gia học quy định cho điều kiện của mình tham gia. Trường hợp có nhu cầu nhận thêm điều kiện theo quy định của thành phố xác nhận các thành phần và sự phù hợp của mình với điều kiện.
2. Việc quy định cho người điều hành học đồng phải lập thành văn bản theo mục của công ty và phải có chữ ký theo quy định như sau đây:
 - a. Trường hợp công đồng cá nhân là người quy định thì phải có chữ ký của công đồng và người quy định hợp;
 - b. Trường hợp người điều kiện theo quy định của công đồng là tổ chức là người quy định thì phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định hợp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định hợp.

Người quy định hợp lệ học đồng phải nộp văn bản quy định trước khi vào phòng học.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chấp thuận điều kiện, việc chấp thuận điều kiện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chấp thuận điều kiện đó được xuất trình cùng với thư quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư quy định đó (nếu trường hợp chữ ký vì Công ty).
4. Trường hợp quy định trong khoản 3 Điều 15, biểu quyết của người quy định trong phạm vi người quy định có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người quy định chấp thuận, bổ nhiệm chức vụ hành vi dân sự hoặc bổ nhiệm người hành vi dân sự;

b. Người quy nã hu b vi c ch nh u quy n;

c. Người quy nã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

i u kho n này s không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên b n m i tám gi tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16. Thay i các quy n

1. Các quy t nh c a i h i ng c ông (trong các tr ng h p quy nh t i i u 14.2 liên quan n v n c ph n c a Công ty c chia thành các lo i c ph n khác nhau) v vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i t ng lo i c ph n s ch c thông qua khi có s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi ít nh t 75% quy n bi u quy t c a c ph n ã phát hành lo i ó.
2. Vi c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u hai c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.
3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20.
4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

Điểm 17. Trình tự thi hành công, chương trình hợp, và thông báo hợp thi hành công

1. Hợp đồng quản trị trình thi hành công, hoặc thi hành công theo các điều khoản quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Nội dung trình thi hành công phải thực hiện như sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các công việc cần tham gia và biểu quyết thi hành trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành thi hành công; chương trình hợp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm thực hiện;
 - c. Thông báo và gửi thông báo hợp thi hành công cho tất cả các công nhân dự họp.
3. Thông báo hợp thi hành công phải bao gồm chương trình hợp và các thông tin liên quan về các vấn đề cơ bản và biểu quyết thi hành. Đối với các công việc thực hiện vì lợi ích của công ty, thông báo hợp thi hành công có thể gửi nội dung cơ bản, thông tin công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương của công ty có đăng tải chính. Đối với các công nhân thực hiện vì lợi ích của công ty, thông báo hợp thi hành công có thể gửi cho công nhân bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện để đảm bảo tính chính xác, hoặc có thể do công nhân cung cấp địa chỉ và địa chỉ gửi thông tin. Trình tự công việc thông báo cho Công ty bằng văn bản hoặc fax hoặc địa chỉ internet, thông báo hợp thi hành công có thể gửi qua fax hoặc địa chỉ internet. Trình tự công việc là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đăng trong phong bì dán kín gửi tay trực tiếp làm việc. Thông báo hợp thi hành công phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hợp thi hành công, (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng cách hợp lệ, trừ các chi phí hoặc chi phí vào hôm thứ). Trình tự Công ty có website, thông báo hợp thi hành công phải công bố trên website của Công ty ngay khi gửi thông báo cho các công nhân.

4. Công hoc nhóm công c c p t i i u 11.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.
5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t li ên quan n Kho n 4 c a i u 17 trong các tr ng h p sau:
 - a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
 - b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t **5%** c ph n ph thông trong th i gian li ên t c ít nh t sáu (06) tháng;
 - c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.
6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.
7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông c ti n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i , i h i ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Trường hợp i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày đ nh t i n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.
4. Theo ngh Ch t a i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u 17.3 c a i u l này.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t.
2. Khi t i n hành ng ký c ông, Công ty s c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, tr ên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th ng h ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi t i n hành bi u quy t v n ó. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó. S thành viên c a ban ki m phi u không quá ba ng i.
3. Công n d i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay v à sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký v à hi u l c c a các t bi u quy t ã t i n hành tr c khi c ông n mu n tham d s không b nh h ng.
4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong

s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u ra Ch t a c a i h i ng c ô ng, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr . Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ô ng b u ra c m t th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .

5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ô ng s mang tính phán quy t cao nh t.
6. Ch to i h i ng c ô ng có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác v à t i m t a i m do ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng (a) các thành viên tham d không th có ch ng i thu n ti n a i m t ch c i h i, (b) hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p ho c (c) s trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l . Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ô ng ã có s l ng i bi u d h p c n thi t. Th i gian hoãn t i a không quá ba ngày k t ngày d nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.
7. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng i h i ng c ô ng trái v i quy nh t i kho n 6 i u 19, i h i ng c ô ng b u m t ng i khác trong s nh ng thành viên tham d thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.
8. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ô ng m t cách h p l v à có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .
9. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ô ng ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ô ng ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ô ng ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ô ng ho c i di n nói trên tham gia i h i.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:

- a. Ủy quyền cho người có thẩm quyền chính hợp lý hội đồng;
- b. Bổ nhiệm toàn cho người có thẩm quyền đó;
- c. Ủy quyền cho hội đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào các hồ sơ đăng ký hình thức khác.

11. Trong trường hợp tiếp thị hội đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định thẩm quyền hội có thể:

- a. Thông báo rằng hội sẽ tiến hành tiếp thị thẩm quyền ghi trong thông báo và chuyển hội có thẩm quyền;
- b. Bổ trí, tổ chức những người hoặc đi đến quy định không được phép theo ủy quyền này hoặc những người muốn tham gia thẩm quyền khác với thẩm quyền chính của hội có thể đăng ký tham dự hội;

Thông báo về việc tổ chức tiếp thị không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo ủy quyền này.

12. Trong quy định này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi công việc coi là tham gia tiếp thị thẩm quyền chính của hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức tiếp thị hội đồng ít nhất một lần. Tiếp thị hội đồng thường niên không cần tổ chức dưới hình thức lý thuyết và thực hành.

Điều 20. Thông qua quy định của tiếp thị hội đồng

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quy định của tiếp thị hội đồng và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công việc có quy định quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đi đến quy định có thẩm quyền tiếp thị hội đồng.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - c. Báo cáo tài chính và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị nhiệm vụ Tổng giám đốc.
2. Các quy định của nội quy công đồng liên quan đến việc sử dụng và bổ sung tài sản, lợi nhuận và số lượng cổ phiếu chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại nội quy công đồng.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng về nội quy công đồng

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng về nội quy công đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến công đồng về nội quy công đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị nội quy lấy ý kiến, đề xuất quy định nội quy công đồng và các tài liệu đi kèm trình đề xuất quy định. Nội quy lấy ý kiến kèm theo đề xuất quy định và tài liệu đi kèm phải được gửi bằng phương thức bỏ phiếu kín cho thành viên trước tại công đồng;
3. Nội quy lấy ý kiến phải có các nội dung chi tiết sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh

doanh các công ho c i di n theo u quy n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c at ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;

- d. V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;
 - e. Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
 - f. Th i h n ph i g i v công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;
 - g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a công ty;
4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo u quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c.

Phi u l y ý ki n g i v công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n g i v công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m u không h p l ;

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý công ty. Biên b n ki m phi u phi có các n i dung ch y u sau ây:
- a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh;
 - b. M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;
 - c. S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;
 - d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;
 - e. Các quy t nh ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c g i n các c ông trong th i vòng m i l m ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u;
7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty;
8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

Ng i ch trì i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông và g i cho t t c các c ông trong vòng 15 ngày khi i h i ng c ông k t thúc. Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng t i ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký, và c l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và t i i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông d h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, Ban ki m soát có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình tự và thủ tục tri tập họp đại hội đồng không thể hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. H I NG QU N TR

Đ i u 24. Tiêu chu n, Đ i u ki n, Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. Tiêu chu n, Đ i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr

Tiêu chu n và Đ i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr Công ty c quy nh t i Đ i u 110 Lu t doanh nghi p C th :

- Có n ng l c hành vi dân s , không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a pháp lu t;
- Là c ông cá nhân s h u ít nh t 5% t ng s c ph n ph thông ho c là ng i khác có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh ho c trong ngành kinh doanh ch y u c a Công ty;
- Có ph m ch t o c, tinh th n trách nhi m cao và n ng ng trong s n xu t kinh doanh, trong th c hi n nhi m v , có s c kho t t.

2. S l ng thành viên H i ng qu n tr là t 05 n 11 ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p không Đ i u hành ph i chi m ít nh t m t ph n ba t ng s thành viên H i ng qu n tr .

3. Các thành viên c a H i ng qu n tr do các c ông sáng l p c theo t l s h u c ph n c a t ng c ông sáng l p. Các c ông sáng l p c quy n g p t l s h u c ph n vào v i nhau b phi u c các thành viên H i ng qu n tr .

4. Các c ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i

v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

5. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .
6. Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:
 - a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
 - b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
 - d. Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu tháng, và trong th i gian này H i ng qu n tr không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b cách ch c thành viên H i ng qu n tr theo quy t nh c a i h i ng c ông.
7. H i ng qu n tr có th b nhi m thành viên H i ng qu n tr m i thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay ti p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c

b nhiệm thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c
H i ng qu n tr b nhi m.

8. Vi c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c thông báo theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
9. Thành viên H i ng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Công ty.

i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s qu n lý ho c ch o th c hi n c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v i h i ng c ông.
2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát T ng giám c và các cán b qu n lý khác.
3. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và nhi m v sau:
 - a. Quy t nh k ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;
 - b. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;
 - c. B nhi m và bãi nhi m các cán b qu n lý công ty theo ngh c a T ng giám c và quy t nh m c l ng c a h ;
 - d. Quy t nh c c u t ch c c a Công ty;
 - e. Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i cán b qu n lý c ng nh quy t nh l a ch n i đi n c a Công ty gi i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý ch ng l i cán b qu n lý ó;
 - f. Xu t các lo i c phi u có th phát hành và t ng s c phi u phát hành theo t ng lo i;

- g. Xu t vi c phát hành trái phi u, trái phi u chuy n i thành c phi u và các ch ng quy n cho phép ng i s h u mua c phi u theo m c giá nh tr c;
 - h. Quy t nh giá chào bán trái phi u, c phi u và các ch ng khoán chuy n i;
 - i. B nh i m, m i n nh i m, cách ch c T ng giám c hay cán b qu n lý ho c ng i i di n c a Công ty khi H i ng qu n tr cho r ng ó là vì l i ích t i cao c a Công ty. Vi c bãi nh i m nói trên không c trái v i các quy n theo h p ng c a nh ng ng i b bãi nh i m (n u có);
 - j. Xu t m c c t c hàng n m và xác nh m c c t c t m th i; t ch c vi c chi tr c t c;
 - k. Xu t vi c tái c c u l i ho c gi i th Công ty.
4. Nh ng v n sau ây ph i c H i ng qu n tr phê chu n:
- a. Thành l p chi nhánh ho c các v n phòng i di n c a Công ty;
 - b. Thành l p các công ty con c a Công ty;
 - c. Trong ph m vi quy nh t i i u 108.2 c a Lu t Doanh nghi p và tr tr ng h p quy nh t i i u 120.3 Lu t Doanh nghi p ph i do i h i ng c ông phê chu n, H i ng qu n tr tùy t ng th i i m quy t nh vi c th c hi n, s a i và hu b các h p ng l n c a Công ty (bao g m các h p ng mua, bán, sáp nh p, thuê t m công ty và liên doanh);
 - d. Ch nh và bãi nh i m nh ng ng i c Công ty u nh i m là i di n th ng m i và Lu t s c a Công ty;
 - e. Vi c vay n và vi c th c hi n các kho n th ch p, b o m, b o l ãnh và b i th ng c a Công ty;
 - f. Các kho n u t không n m trong k ho ch kinh doanh và ngân sách v t quá 700.000.000 ng Vi t Nam ho c các kho n u t v t quá 10% giá tr k ho ch và ngân sách kinh doanh hàng n m;
 - g. Vi c mua ho c bán c ph n c a nh ng công ty khác c thành l p Vi t Nam hay n c ngoài;

- h. Việc nh giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quy định, quy định, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% số vốn;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
 - k. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo với Hội đồng công việc hoạt động của mình, công việc là việc giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chức năng Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể quy định cho nhân viên cấp độ và các cán bộ quản lý đi nghỉ công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đi nghỉ công việc quy định thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng công việc quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo tho thu trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không tho thu.
8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải ghi chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị không chỉ có vị trí hành (bao gồm cả chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao đi để động viên công việc gắn theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc hội đồng công.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trường hợp hội đồng công quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm từ hội đồng công thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triu t p và ch to i h i ng c ông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch ủy quyền cho mình trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc một khi ngừng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chọn Phó Chủ tịch hành nghề vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chọn Phó Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc sơ quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm mở báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kế toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan công;
4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chối hoặc bỏ bê nhiệm vụ, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm thay thế trong thời hạn một ngày.

i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .
2. Các cu c h p th ng k . Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t b y ngày tr c ngày h p đ ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.
3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng đ i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:
 - a. T ng giám c ho c ít nh t n m cán b qu n lý;
 - b. Hai thành viên H i ng qu n tr ;
 - c. Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - d. a s thành viên Ban ki m soát.
4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 27 ph i c ti n hành trong th i h n m i l m (15) ngày sau khi có xu t h p. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh t hì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 27 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .
5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n v à vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th d h p.

Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.

8. S thành viên tham d t i thi u. Các cu c h p c a H i ng qu n tr ch c ti n hành và thông qua các quy t nh khi có ít nh t ba ph n t s thành viên H i ng qu n tr có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n thay th .

9. Bi u quy t.

a. Tr quy nh t i Kho n 9b i u 27, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c u quy n tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr s có m t phi u bi u quy t;

b. Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. M t thành viên H i ng s không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c m t cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c. Theo quy nh t i Kho n 9d i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng

vấn đề không có gì quy định bằng sự tự nguyện của quy định của thành viên Hội đồng quản trị, nhưng vẫn phát sinh các chi phí chuyển nhượng và phân quyền của các thành viên Hội đồng quản trị khác có giá trị là quy định như cũ cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan của công bố một cách thích đáng;

- d. Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt mua cổ phiếu quy định tại điều 33.4a và điều 33.4b của luật này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hàng loạt mua cổ phiếu hoặc giao dịch đã ký kết hoặc ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bán chứng khoán nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng giao dịch này. Mỗi thành viên này có thể công khai điều kiện của cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Bị quy tắc 5. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phần ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch là lá phiếu quyết định.
12. Hợp trên điều khoản hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên vắng mặt khác nhau vì lý do nào là miễn thành viên tham gia họp có thể:

- a. Nghe tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng lẻ.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điều khoản hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video conferencing) hoặc là kết quả của tin nhắn gửi ra vào thông qua điện thoại hay sau này) hoặc là kết quả của

c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n di n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và ti n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t b ng v n b n. Ngh quy t b ng v n b n ph i có ch ký c a t t c nh ng thành viên H i ng qu n tr sau ây:

- a. Thành viên có quy n bi u quy t v ngh quy t t i cu c h p H i ng qu n tr ;
- b. S l ng thành viên có m t không th p h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh ti n hành h p H i ng qu n tr .

Ngh quy t lo i này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l . Ngh quy t có th c thông qua b ng cách s d ng nhi u b n sao c a cùng m t v n b n n u m i b n sao ó có ít nh t m t ch ký c a thành viên.

14. Biên b n h p H i ng qu n tr . Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung bi ên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ng qu n tr c l p b ng ti ng Vi t và ph i có ch ký c a t t c các thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p.

15. Các ti u ban c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n hành ng cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm

những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó quy định quy trình và cách thức thành viên của tiểu ban như (a) phải mời một thành viên bên ngoài ít nhất một nhà tài trợ thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có sự tham gia của thành viên và bị quy định phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quy trình của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban thực thi của Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp vì cớ nào, chẳng hạn thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. T NG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

Điều 28. Chức năng quản lý

Công ty sẽ ban hành mệnh lệnh quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nhiệm vụ của lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và các Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo nghị quyết của Tổng giám đốc và các sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tuyển dụng và loại bỏ các cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ những điều kiện. Cán bộ quản lý phải có sự miễn nhiệm cần thiết các hoạt động và thực hiện của Công ty để các mục tiêu được thực hiện.
2. Mục tiêu, tín nhiệm, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của vị trí Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng vị trí các cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

**điều 30. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của
Thành viên**

1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thành viên Công ty

a. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Thành viên Công ty quy định tại điều 57
Luật doanh nghiệp có thể:

- Có năng lực và hành vi dân sự và không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Là cá nhân sinh từ ít nhất 5% vốn điều lệ hoặc người không phải là thành viên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, chi tiết pháp luật.
- Thành viên Công ty không đồng thời là Thành viên doanh nghiệp khác.
- Có phạm vi trách nhiệm, tinh thần trách nhiệm cao và năng lực trong sản xuất kinh doanh, trong thực hiện nhiệm vụ, có sức khỏe tốt.

b. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Thành viên và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến vị trí tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quy định của Thành viên phải được báo cáo trong báo cáo tài chính hàng năm và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo điều 26 của Điều lệ này, Thành viên có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Thành viên là ba (03) năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hoãn lại các quy định về hạn chế về lao động. Thành viên không được phép làm nghề nghiệp khác pháp luật cấm ghi chép này, tức là nghề nghiệp vì thành viên, người không năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên công nhân viên chức, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên bất pháp.

3. Quy định và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quy định và trách nhiệm sau:
- a. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và Hội đồng công, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty và Hội đồng quản trị và Hội đồng công thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thực và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo những thông lệ quản lý thông thường;
 - c. Kinh doanh sản phẩm và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm đáp ứng các hoạt động kinh doanh các cơ cấu quản lý từ do Hội đồng quản trị xuất, và từ việc Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định sản phẩm lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp với kế hoạch tài chính năm năm.
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng công và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Xuất hành nghề bí mật pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chọn các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ phải trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định trong các quy định của Công ty.

- i. Thể hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều này và các quy định của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Hội đồng cơ quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phải báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có ít nhất hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại về việc bãi nhiệm này tại Hội đồng cơ quan tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chọn một (hoặc nhiều) người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm sau đây theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm mới hay nhậm Tr lý Thủ ký Công ty tùy theo tình hình. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng cơ quan theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Trả lời và thực hiện các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều này của công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ vượt cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của các thành viên mà họ đang đại diện trong những trường hợp khi những nhiệm vụ trên đây được giao và trong hoàn cảnh cần thiết.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân hay lợi ích của bất kỳ cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những lợi ích nêu trên chỉ được sử dụng nếu các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan nào quy định trong quy định này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi những người này có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến Công ty, hoặc công ty, hoặc các chi nhánh, hoặc các thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến Công ty là thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu vì những

m i quan h v a nêu, ho c vì thành viên H i ng qu n tr ó ho c cán b qu n lý ó có m t ho c tham gia vào cu c h p liên quan ho c vào H i ng qu n tr hay ti u ban ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch, ho c vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bi u quy t v m c ích ó, n u :

- a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr ho c ti u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr ho c ti u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán th ành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan;
- b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c công b cho các c ông không có l i ích liên quan có quy n bi u quy t v v n ó, và nh ng c ông ó ã b phi u tán th ành h p ng ho c giao d ch này;
- c. H p ng ho c giao d ch ó c m t t ch c t v n c l p cho là công b ng và h p lý xét trên m i ph ng di n liên quan n các c ông c a công ty vào th i i m giao d ch ho c h p ng này c H i ng qu n tr ho c m t ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr hay các c ông cho phép th c hi n, thông qua ho c phê chu n.

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, cán b qu n lý hay ng i có liên quan c a h không c phép mua hay bán ho c giao d ch theo b t c hình th c nào khác các c phi u c a công ty ho c công ty con c a công ty vào th i i m h có c nh ng thông tin ch c h n s gây nh h ng n giá c a nh ng c phi u ó và các c ông khác l i không bi t nh ng thông tin này.

i u 34. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý vi ph m ngh a v hành ng m t cách trung th c, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s phi i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. B i th ng. Công ty s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c ti n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Công ty th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Công ty) n u ng i ó ã ho c ang là thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c là i di n c Công ty u quy n, ho c ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty v i t cách thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c i di n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác. Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thu ê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n ti n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v vi c n ày trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán v và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, tr ên c s tuân th lu t pháp và không có s phát hi n hay xác nh n nào r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Công ty có quy n mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

X. BAN KI M SOÁT

i u 35. Tiêu chu n, i u ki n Thành viên Ban ki m soát

1. Tiêu chu n, i u ki n Thành viên Ban ki m soát

Tiêu chu n, i u ki n làm thành viên Ban ki m soát c quy nh t i i u 122 Lu t doanh nghi p, c th :

- T 21 tu i tr lên, có n ng l c hành vi dân s và không thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t doanh nghi p;
- Không ph i là v ho c ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch em, ru t c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i qu n lý khác trong công ty.
- Thành viên Ban ki m soát không c gi ch c v qu n lý công ty. Thành viên Ban ki m soát không nh t thi t là c ông ho c ng i lao ng c a Công ty.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 đến 05 thành viên (nhưng không quá năm (05) thành viên). Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán chấp hành theo chỉ định của kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là công của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệt tử tập thể họp Ban kiểm soát và họp riêng với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên Hội đồng.
3. Công nợ miễn giảm ít hơn 10% số phần vốn có quy định ưu quyền trong thì liên tục ít nhất sáu tháng, có thể tập hợp ưu vốn vào với nhau của các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nợ nhóm công nợ miễn giảm dưới 10% số phần vốn có quy định ưu quyền trong thì liên tục ít nhất sáu tháng của một thành viên; từ 10% đến dưới 30% của hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% của ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% của bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bố nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên có tổ chức bằng mặt văn bản thông báo công gởi n tr s chính cho Công ty;

- c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban ki m soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
- d. Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban ki m soát li ên t c trong vòng sáu tháng liên t c, và trong th i gian này Ban ki m soát không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
- e. Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban ki m soát theo quy t nh c a i h i ng c ông.

i u 36. Ban ki m soát

1. Công ty ph i có Ban ki m soát và Ban ki m soát s có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i i u 123 c a Lu t Doanh nghi p và i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách nhi m sau ây:
 - a. xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán v à m i v n liên quan n s rút lui hay bãi nhi m c a công ty ki m toán c l p;
 - b. Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;
 - c. Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p ho c t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t;
 - d. Ki m tra các báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng qu ý tr c khi trình H i ng qu n tr ;
 - e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và

- h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên c a H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao ch p các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr s ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
 3. Sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai l n m t n m v à s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
 4. T ng m c thù lao cho các thành viên Ban ki m soát h ng n m do H i ng qu n tr ngh t i i h i ng c ông th ng niên. M c thù lao có th cao h n theo quy t nh c a i h i ng c ông. Thành viên c a Ban ki m soát c ng s c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n v à các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c li ên quan n ho t ng kinh doanh c a Công ty.

XI. QUY N I U T R A S S Á C H V À H S C ŌNG TY

i u 37. Quy n i u tra s sách và h s

1. C ông ho c nhóm c ông c p trong i u 24.4 và i u 35.3 c a i u l này có quy n tr c t i p ho c qua lu t s ho c ng i c u quy n, g i v n b n yêu c u c k i m tra trong gi làm vi c và t i a i m kinh doanh chính c a công ty danh sách c ông, các biên b n c a i h i ng c ông và sao ch p ho c trích l c các h s ó. Yêu c u k i m tra do phía lu t s i di n ho c i di n c u quy n khác c a c ông ph i kèm theo gi y u quy n c a c ông mà ng i ó i di n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n n ày.
2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và cán b qu n lý có quy n k i m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c ô ng và H i ng qu n tr , các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ô ng và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.
4. C ô ng có quy n c Công ty c p m t b n i u l công ty mi n phí. Tr ng h p công ty có website riêng, i u l này ph i c công b trên website ó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

i u 38. Công nhân viên và công oàn

T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c tuy n d ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng b ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

XIII. PHÂN CHIA L I NHU N

i u 39. C t c

1. i h i ng c ô ng th ng niên c a Công ty s quy t nh phân chia l i nhu n ròng th c hi n h ng n m trên c s ki n ngh c a H i ng qu n tr ; h ng n m công ty ch chi tr c t c cho c ô ng khi công ty khi công ty ã hoàn thành ngh a v thu và các ngh a v tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t; trích l p các qu công ty và bù p l tr c ó theo quy nh c a Pháp lu t v a i u l công ty; ngay sau khi tr h t các kho n n v à ngh a v tài s n khác n h n, l i nhu n ròng c u tiên phân b nh sau :

* Trích l p các qu theo lu t nh, bao g m:

- Qu d tr tài chính b t bu c;

- Quy định phát triển;
- Quy định khen thưởng, phúc lợi.

* Số lượng nhân viên còn lại (nếu có) sau thu, sau khi trích lập các quỹ chia cho các công đồng theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo phát triển bền vững của Công ty, lợi ích công đồng, hàng năm trên cơ sở lợi nhuận ròng thể hiện các tài khoản trích lập các quỹ trên có thể thay thế cho phù hợp hài hòa ba lợi ích Công đồng - Công ty - Người lao động và do đó hình thành công đồng thế hệ quy tụ.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quy định thanh toán các nghĩa vụ của công ty xét thấy vì các chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả nợ hay khoản tiền chi trả liên quan tới môi trường xã hội.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức công đồng thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ tài sản thế chấp (như phí thuê hoặc trái phiếu đã thanh toán trước do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
5. Trường hợp trả nợ hay khoản tiền khác liên quan tới môi trường xã hội của chi nhánh ngân hàng, Công ty sẽ phải chi trả ngân hàng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện hoặc ký các công đồng thanh toán và trường hợp có rủi ro phát sinh (tức là đã ký các công đồng) thì công đồng có thể chi trả. Ngoài ra, các khoản tiền trả nợ hoặc các khoản tiền khác của chi nhánh ngân hàng liên quan tới môi trường xã hội có thể của chi nhánh ngân hàng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng các công đồng nhằm cho phép Công ty thể hiện các việc chuyển khoản trả tiền vào tài khoản ngân hàng các công đồng. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công đồng cung cấp mà công đồng không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công đồng thanh toán. Việc thanh toán các nghĩa vụ của các công đồng tuân theo quy định của Luật Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể của tài khoản hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sơ suất thu nợ của khách hàng, Hội đồng Quản trị có thể quy định và thông báo rằng những người sử dụng phần mềm thông tin của công ty có thể bị thay thế cho các phần mềm mới. Các phần bổ sung trực tiếp này có thể là những phần đã thanh toán về mặt tài chính mua trên cơ sở giá trị của các phần trực tiếp từ người sử dụng mới trực tiếp.
7. Công ty Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày chốt làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty theo ngày chốt, những người ký viết cách công đồng người sử dụng các chương khoản khác có quyền nhấc, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhấc phí, những thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quy định có thể chi. Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng chi phí hoặc chương khoản liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể chi theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NẾM TÀI CHÍNH VÀ HỒ SƠ KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài có phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sơ suất thu nợ của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc ngoài Việt Nam tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

i u 42. Qu d tr b sung v n i u l

Hàng n m, Công ty s ph i trích t l i nhu n sau thu c a mình m t kho n vào qu d tr b sung v n i u l theo quy nh c a pháp lu t. Kho n trích n ày không c v t quá 5% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 10% v n i u l c a Công ty.

i u 43. N m tài khóa

N m tài khóa c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m (ngày 01 tháng 01) và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ó.

i u 44. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s d ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng tí ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng ng Vi t Nam làm n v tí n t dùng trong k toán.

XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 45. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh tí i u 47 c a i u l này, và trong th i h n 90 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban Ch ng khoán Nhà n c, S Giao d ch Ch ng khoán Hà N i và c quan ng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình vốn lãi và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
4. Báo cáo tài chính hàng năm phải có kiểm toán phải công bố trên các công bố trên nhật báo của tạp chí và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tháng liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính phải có kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép bản báo cáo tài chính hàng năm phải có kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì của Công ty, thì trả phí chính của Công ty và phải trả một phần phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thu thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Thời hạn công tác hàng năm của công ty kiểm toán công lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm

- toán Công ty cho n m tài chính t i p theo đ a trên nh ng i u kho n và i u ki n tho thu n v i H i ng qu n tr .
2. Công ty s ph i chu n b và g i báo cáo tài chính hàng n m cho công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.
 3. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính hàng n m cho bi t các kho n thu chi c a Công ty, l p báo cáo ki m toán v à trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng (hai) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Các nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n vi c ki m toán cho Công ty ph i c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n.
 4. M t b n sao c a báo cáo ki m toán s ph i c g i ính kèm v i m i b n báo cáo k toán hàng n m c a Công ty.
 5. Ki m toán viên th c hi n vi c ki m toán Công ty s c phép tham d m i cu c h p i h i ng c ông và c quy n nh n các thông báo và các thông tin khác liên quan n i h i ng c ông mà các c ông c quy n nh n và c phát bi u ý ki n t i i h i v các v n có liên quan n ki m toán.

XVII. CON D U

i u 48. Con d u

1. H i ng qu n tr s quy t nh thông qua con d u chính th c c a Công ty v à con d u c kh c theo quy nh c a lu t pháp.
2. H i ng qu n tr , T ng giám c s đ ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

i u 49. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có th b gi i th h o c ch m d t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
 - b. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông.

- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc ghi i thi Công ty trực tiếp do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i thi này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 50. Trường hợp bắt buộc các thành viên Hội đồng

Tr khi i u l này có quy nh khác, các c ông n m gi m t n a s c phi u ang l u hành có quy n bi u quy t trong bu c thành viên Hội đồng qu n tr có quy n n khi u n i t i toà yêu c u gi i thi theo m t thay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên Hội đồng qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty đ n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh Hội đồng qu n tr ho t ng.
2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh t i n hành b u thành viên Hội đồng qu n tr .
3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i thi s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

i u 51. Thanh lý

1. Sau khi có m t quy t nh gi i thi Công ty, Hội đồng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do Hội đồng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. T i n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bổ trợ cho công nhân viên;
- c. Thu và các khoản nộp có tính chất thu mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các công đồng. Các công đồng này sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản của các công đồng phát sinh từ nội bộ hay bất cứ quy định hoặc văn bản do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Công đồng viên Công ty; hoặc
 - b. Công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hay chọn mời một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể giải quyết hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không

các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể tranh chấp ở ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thanh lý và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. B SUNG VÀ S A I I U L

Đ i u 53. B sung và s a i i u l

1. Việc bổ sung, sửa đổi điều này phải chờ ý kiến công đồng xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan nội dung của Công ty chưa có quy định trong bản điều này hoặc trong trường hợp có những quy định khác với những điều khoản trong điều này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực sẽ áp dụng và điều chỉnh nội dung của Công ty.

XXI. NGÀY HI U L C

Đ i u 54. Ngày hi u l c

1. Bản điều này gồm XXI chương, 55 điều, chờ ý kiến công đồng thông qua năm 2010 Công ty sẽ phấn đấu phát triển xây dựng – Hiện nay trình thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2010 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều này.
2. Điều này sẽ lập thành **10 bản**, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bên sao học trích lục của Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc đại diện hai thành viên Hội đồng quản trị có giá trị.

Điều 55. Chữ ký của các công chứng phải đi kèm theo pháp luật của Công ty./.

**IDI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY
CH T CH H QT KIÊM T NG GIÁM C**